SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 21.12.01.29

1.Tên mẫu/*Name of sample* **Nước bể pha clo**
2.Tên/địa chỉ khách hàng *Name/Address of customer* Công ty cổ phần đầu tư nước sạch sông Đà Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
3.Mô tả mẫu/*Sample description* Trong chai nhựa 1 chai x 6l
4.Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving sample* 01/12/2021
5.Người lấy/gửi mẫu/ *The personnel performing/sending sample(s)* Khách hàng tự gửi mẫu/*By customer*
6.Ngày thực hiện thử nghiệm/*The dates of testing activities* 01/12 - 08/12/2021
7.Kết quả thử nghiệm/*Test results*

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT*
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	< 5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,7	6,0 – 8,5
5	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,9	0,2-1,0
6	Arsenic (As)	TCVN 6626:2000	mg/L	0,001	≤ 0,01
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	0,3
8	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	≤ 2
9	Chloride (Cl^-)(*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8,5	≤ 250
10	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	88	≤ 300
11	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
12	Mangan (Mn)(*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
13	Sunphat(*)	SMEWW4500-SO_4^{2-}E	mg/L	15,3	≤ 250
14	Nitrit ((NO_2^- tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,3	≤ 2
16	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	SMEWW 2540C-2017	mg/L	150	≤ 1000
17	Antimon (Sb) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,0003	≤ 0,02
18	Bari (Bs) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 0,7
19	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	0,024	≤ 0,3
20	Cadmi (Cd) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,0003	≤ 0,003

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT*
21	Chì (Plumbum) (Pb) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,0004	≤ 0,01
22	Chromi (Cr) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 0,05
23	Đồng (Cuprum) (Cu) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 1
24	Flour (F) (**)	SMEWW 4500-F⁻ .B&D:2017	mg/L	0,08	≤ 1,5
25	Kẽm (Zn) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 2
26	Natri (Na) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	0,500	≤ 200
27	Nhôm (Aluminum) (Al) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	0,023	≤ 0,2
28	Nickel (Ni) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	0,008	≤ 0,07
29	Seleni((**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 0,01
30	Sunfua(**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,01	≤ 0,05
31	Thủy ngân (Hydragyrum) (Hg) (**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,0002	≤ 0,001
32	Xyanua (CN^-)(**)	US EPA Method 6020A	mg/L	<0,001	≤ 0,05
33	1,1,1 - Tricloroetan(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 2.000
34	1,2 Dicloroetan (**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 30
35	1,2 Dicloroeten(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 50
36	Cacbontetraclorua(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,01	≤ 2
37	Diclorometan(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,01	≤ 20
38	Tetracloroeten(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,5	≤ 40
39	Tricloroeten((**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,5	≤ 20
40	Vinyl clorua(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,1	≤ 0,3
41	Benzen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,1	≤ 10
42	Etylbenzen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 300
43	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	TCVN 6216:1996	µg/L	<0,001	≤ 1
44	Styren(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 20
45	Toluen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 700
46	Xylen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 500
47	1,2 - Diclorobenzen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 1.000
48	Monoclorbenzen(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 300
49	Triclorobenzen (**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<1	≤ 20
50	Acrylamide(**)	US EPA Method 8032A	µg/L	<0,1	≤ 0,5

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT*
51	Epiclohydrin(**)	US EPA Method 8032A	µg/L	<0,1	≤ 0,4
52	Hexacloro butadien(**)	US EPA Method 8032A	µg/L	<0,1	≤ 0,6
53	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,01	≤ 1
54	1,2 - Dicloropropan((**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<1	≤ 40
55	1,3 - Dichloropropen((**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<1	≤ 20
56	2,4 - D(**)	US EPA Method 515.4	µg/L	<0,01	≤ 30
57	2,4- DB(**)	US EPA Method 515.4	µg/L	<0,1	≤ 90
58	Alachlor(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,01	≤ 20
59	Aldicarb(**)	US EPA Method 531.2	µg/L	<0,01	≤ 10
60	Atrazine và các dẫn xuất chloro-striazine(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,1	≤ 100
61	Carbofuran(**)	US EPA Method 531.2	µg/L	<1	≤ 5
62	Chlorpyrifos(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,01	≤ 30
63	Clodane (**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,01	≤ 0,2
64	Clorotoluron(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<1	≤ 30
65	Cyanazine(**)	US EPA 525.2	µg/L	<0,01	≤ 0,6
66	DDT và các dẫn xuất(**)	US EPA Method 8081B	µg/L	<0,01	≤ 1
67	Dichloprop(**)	US EPA Method 515.4	µg/L	<0,1	≤ 100
68	Fenoprop(**)	US EPA Method 515.4	µg/L	<0,1	≤ 9
69	Hydroxyatrazine(**)	US EPA 525.2	µg/L	<0,01	≤ 200
70	Isoproturon(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<1	≤ 9
71	MCPA (**)	US EPA Method 555	µg/L	<0,1	≤ 2
72	Mecoprop((**)	US EPA Method 555	µg/L	<0,1	≤ 10
73	Methoxychlor(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<0,1	≤ 20
74	Molinate(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,1	≤ 6
75	Pendimetalin(**)	US EPA Method 507	µg/L	<0,1	≤ 20
76	Permethrin(**)	US EPA Method 1699	µg/L	<0,1	≤ 20
77	Propanil(**)	US EPA Method 532	µg/L	<0,1	≤ 20
78	Simazine(**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,1	≤ 2
79	Trifuralin((**)	US EPA Method 525.2	µg/L	<0,1	≤ 20
80	2,4,6 Triclorophenol(**)	US EPA Method 8270D: 2014	µg/L	<1	≤ 200
81	Bromat(**)	ISO 15061:2001	µg/L	<0,01	≤ 10

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email**: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT*
82	Bromodiclorometan(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 60
83	Bromoform(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 100
84	Chloroform(**)	SMEWW 6200	µg/L	<2	≤ 300
85	Dibromoaxetonitril(**)	US EPA Method 551.1	µg/L	<1	≤ 70
86	Dibromoclorometan(**)	US EPA Method 524.2	µg/L	<5	≤ 100
87	Dicloroaxetonitril(**)	US EPA Method 551.1	µg/L	<1	≤ 20
88	Dicloroacetic acid(**)	US EPA Method 552.2	µg/L	<5	≤ 50
89	Focmaldehyt(**)	US EPA Method 556	µg/L	<1	≤ 900
90	Monocloramine(**)	SMEWW 4500 - Cl^- .G:2017	mg/L	<0,01	≤ 0,3
91	Monochloroaxetic acid(**)	US EPA Method 552.2	µg/L	<0,01	≤ 20
92	Tricloroaxetic acid(**)	US EPA Method 552.2	µg/L	<0,01	≤ 200
93	Tricloroaxetonitril(**)	US EPA Method 551.1	µg/L	<1	≤ 1
94	Tổng hoạt độ phóng xạ α(**)	SMEWW 7110B:2017	Bq/l	0,016	≤ 0,1
95	Tổng hoạt độ phóng xạ β (**)	SMEWW 7110B:2017	Bq/l	0,140	≤ 1

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2021/ Hanoi, December 08, 2021

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

Cn. Trần Văn An

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT.GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 **Email**: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

ilac-MRA
BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/*No.*: 21.12.01.29

1. Tên mẫu: *Name of sample* — Nước bể pha clo
2. Tên/địa chỉ khách hàng: *Name/Address of customer* — Công ty cổ phần đầu tư nước sạch sông Đà, Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
3. Mô tả mẫu: *Sample description* — Trong chai nhựa 1 chai x 6L
4. Ngày nhận mẫu: *Date of receiving sample* — 01/12/2021
5. Người lấy/gửi mẫu: *Sample taking* — Khách hàng tự gửi mẫu *By customer*
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: *The dates of testing activities* — 01/12/2021 - 06/12/2021
7. Kết quả thử nghiệm: *Test results*

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Result*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	**0**	<3
2	*Escherichia coli* *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	**0**	<1
3	*Pseudomonas aeruginosa* *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	**0**	<1
4	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B	CFU/100mL	**0**	<1

8. Nhận xét: *Remarks*

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2021
Hanoi, December 13, 2021

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	**KHOA XÉT NGHIỆM** **CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG** *DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*	**KT. GIÁM ĐỐC** *DIRECTOR*
Cn. Nguyễn Thị Thu Thủy	**Bs. Nguyễn Mạnh Hùng**	PHÓ GIÁM ĐỐC **Nguyễn Thị Kiều Anh**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*